

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 16 - 6 - 2021

Vv tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lâm

Ông Đỗ Minh Thân

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Tô Thị T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Đặng Xuân Q**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu 5, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Tô Thị T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị với anh **Đặng Xuân Q** tự nguyện kết hôn vào ngày 06/11/2010, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ăn ở chung cùng nhà với bố mẹ anh Q một thời gian, sau đó ăn ở riêng. Tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó cho tới nay hai bên đã cắt đứt quan hệ tình cảm với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, anh Q không chịu khó làm ăn, bỏ bê gia đình. Hiện nay chị xác định tình cảm đã hết, quan hệ hôn nhân không hàn gắn được. Do vậy chị đề nghị ly hôn anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Đặng Tô L**, sinh ngày 01/10/2011 và cháu **Đặng Gia H**, sinh ngày 06/12/2013. Từ ngày 18/02/2021 thì chị về nhà bố mẹ đẻ ở nên cháu L và cháu H ở với anh Q. Khi ly hôn chị đề nghị giao

cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, tài sản cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn là anh Đặng Xuân Q trình bày:***

- Anh Q xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị Tô Thị T trình bày trên là đúng. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau; chị T đề nghị ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị T đã trình bày trên là đúng. Hiện nay các cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu L và cháu H; anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, tài sản cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu giải quyết.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa (có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T: Xử cho chị T được ly hôn anh Q; Về con chung: Giao cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Gia H, sinh ngày 06/12/2013; Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Tô L, sinh ngày 01/10/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị T do điều kiện bận công việc nên chị đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Q vào năm 2010, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ăn ở riêng. Tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện tại vợ chồng đã ly thân không còn chung sống

cùng nhau nữa. Chị T xác định tình cảm đã hết đề nghị được ly hôn, anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị T đã trầm trọng, đời sống chung trong thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Tô L, sinh ngày 01/10/2011 và cháu Đặng Gia H, sinh ngày 06/12/2013. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; anh Q cũng đề nghị được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Việc anh Q, chị T đề nghị được nuôi dưỡng con chung, đây là nguyện vọng chính đáng của người làm cha làm mẹ.

HĐXX thấy rằng: Về điều kiện nuôi con thì hiện tại chị T và anh Q đều trình bày có công việc, có thu nhập ổn định; chị T đang sinh sống tại nhà của bố mẹ đẻ, anh Q đang sinh sống tại nhà riêng; bố đẻ của chị T đã có đơn đề nghị Tòa án giao cho chị T được nuôi con và sẽ tạo điều kiện về chỗ ở cũng như giúp đỡ chị T trong việc trông nom chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Quá trình giải quyết Tòa án đã lấy lời khai của cháu L và cháu H thì nguyện vọng của các cháu là được ở với cả bố và mẹ. Như vậy cần giao cho anh Q nuôi cháu H và giao cho chị T nuôi cháu L là phù hợp hoàn cảnh gia đình, phù hợp với nguyện vọng và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị T và anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị T được ly hôn anh Đặng Xuân Q.

2. Về con chung: Xử

Giao cho chị Tô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Tô L, sinh ngày 01/10/2011; kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu thành niên.

Giao cho anh Đặng Xuân Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Gia H, sinh ngày 06/12/2013; kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu thành niên.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX Không đặt ra giải quyết do các bên không yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000706 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Hồng